| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH B** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2022
"*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Hà.
*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Lê Thị Minh Khánh.
Ông Nguyễn Hoàng Tâm.
***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B: Không tham gia phiên toà****:*

Ngày 11/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXX-ST ngày 28/6/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn**: Chị Lê Thị B, sinh năm: 1988 (vắng mặt).
HKTT: Thôn Trường Xuân, xã Đông Ninh, huyện ĐS, tỉnh TH.
Nơi ở: Tokyo Shinjuku Okubo 1-13-14 Menjong Okamoto 102 Nhật Bản.
*+ Người đại diện theo ủy quyền nộp, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án của chị Lê Thị B là bà Ngô Thị Lựu,* sinh năm: 1984; Địa chỉ: Tổ dân phố số 2, Mễ Trì Hạ, phường Mễ Trì, quận NTL, thành phố HN. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
**- Bị đơn:** Anh Cao Xuân T, sinh năm: 1988 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số nhà 95, đường Hồ Công Dự, Tiền Giang 2, phường Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 14/6/2022, nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày:*

Ngày 29/12/2016 chị và anh Cao Xuân T có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, việc kết hôn là hoàn T tự nguyện trên cơ sở tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh T. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau khi sinh con thì vợ chồng bắt đầu phát sinh những rạn nứt. Đến năm 2019 thì chị đi Nhật làm việc, do đã có những rạn nứt trước đây và sau khi đi Nhật, cũng do xa cách về khoảng cách địa lý, vì vậy tình cảm vợ chồng càng trở nên nhạt dần, hai vợ chồng không còn tình cảm nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Xuân T.

-Về con chung: Vợ chồng chị có 01con chung là cháu Cao Thanh Hằng, sinh ngày 06/5/2017. Ly hôn chị đề nghị giao cháu Hằng cho anh T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung nếu anh T có yêu cầu cấp dưỡng thì chị cũng đồng ý.

-Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay, chị đang lao động tại Nhật Bản nên chị không thể ở Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh T được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Cao Xuân T .

Chị cũng ủy quyền cho chị Ngô Thị Lựu, sinh năm 1984; trú tại: Tổ dân phố số 2, Mễ Trì Hạ, phường Mễ Trì, quận NTL, thành phố HN đến Tòa án nộp đơn khởi kiện, tạm ứng án phí, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị và thông báo lại cho chị biết.

*Tại bản tự khai ngày 22/6/2022 và các bản tự khai tiếp theo anh Cao Xuân T trình bày:* Anh và chị Lê Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn T tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B ngày 29/12/2016. Sau khi kết hôn chị B về nhà anh làm dâu và ở chung cùng gia đình anh. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc sau đó cũng có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Đến năm 2019 thì chị B đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Do vợ chồng sống xa cách nhau lâu ngày nên dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn tình cảm và không còn quan tâm đến nhau nữa, vợ chồng ít khi liên lạc với nhau. Nay chị Lê Thị B có đơn đề nghị xin ly hôn với anh, thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Lê Thị B.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Cao Thanh Hằng, sinh ngày 06/5/2017. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng con chung vì kể từ khi chị B đi nước ngoài thì cháu Hằng vẫn ở cùng anh và do anh chăm sóc và nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc nên anh không tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị B và anh được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị B và anh.

Do vụ án các đương sự đều có lời khai rõ ràng, Tòa án không thu thập tài liệu chứng cứ nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị B, bị đơn anh Cao Xuân T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 bộ luật tố tụng dân sự công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị B; bản tự khai của anh T, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị B và anh Cao Xuân T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị B, anh T.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Lê Thị B là nguyên đơn, hiện đang lao động tại Nhật Bản có đơn xin ly hôn anh Cao Xuân T, anh T có hộ khẩu thường trú tại phường Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Lê Thị B và anh Cao Xuân T kết hôn ngày 29/12/2016, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thành phố B, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị B về nhà anh T sinh sống, ở chung cùng gia đình chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau khi sinh con thì vợ chồng phát sinh những rạn nứt. Đến cuối năm 2019 chị B đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến nay. Do đã có những rạn nứt trước đây và từ khi sang Nhật Bản, cũng do xa cách về khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng trở lên nhạt dần, hai vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, không còn quan tâm đến nhau. Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do

vậy, căn cứ  khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị B với anh T được ly hôn.

[4]. Về con chung: Chị B và anh T có 01 con chung là Cao Thanh Hằng, sinh ngày 06/5/20017. Ly hôn anh T đề nghị Toà án giao con chung cho anh nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh T: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị B đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung. Chị Lê Thị B từ khi đi nước ngoài thì cháu Hằng vẫn do anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần được đi học đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh T  trực tiếp nuôi con chung là cháu Cao Thanh Hằng, sinh ngày 06/5/20017. Chị Lê Thị B có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị B thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Lê Thị B về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Chị Lê Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T do anh T không yêu cầu.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Chị B và anh T đều xác định không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Lê Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị B đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1, 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án Xử:

**1.Về hôn nhân:** Chị Lê Thị B được ly hôn anh Cao Xuân T.

**2.Về nuôi con chung**: Giao cho anh Cao Xuân T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Cao Thanh Hằng, sinh ngày 06/5/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Lê Thị B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị B thực hiện quyền này

Trường hợp chị Lê Thị B về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

**3. Về án phí:** Chị Lê Thị B phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000486 ngày 21/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị Lê Thị B đã nộp đủ.

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị Lê Thị B vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Cao Xuân T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND phường Lê Lợi, thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Tâm Lê Thị Minh Khánh** **Trần Thị Hà**